

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/HS-ST

Ngày: 31-3-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ văn Châu;

2. Bà Nguyễn Thị Rê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đông Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2025/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 25-8-1995, tại Long An; Nơi cư trú: Ấp C, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An ô CHÍ MINH ông lang thang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Ngọc T1 và bà Nguyễn Thị T2; Vợ: Nguyễn Thị Diễm H, có 01 con sinh năm 2016; Tiền án (03): (1) Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2019/HS-ST ngày 09-5-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An xử phạt bị cáo T 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 30-10-2019 chấp hành xong hình phạt tù; (2) Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 132/2020/HS-ST ngày 29-09-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xử phạt bị cáo T 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 03-5-2021 chấp hành xong hình phạt tù, chưa nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm; (3) Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2022/HS-ST ngày 15-3-2022, của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xử phạt bị cáo T 03 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 22-7-2024 chấp

hành xong hình phạt tù, đến nay chưa được xoá án tích. Tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21-01-2025 đến nay. (Có mặt).

- Bị hại: Ông Phạm Văn L, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Ấp T, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An. (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Võ Thị Ngọc Y, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Ấp T, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An. (vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Thu T3, sinh năm 1997; Nơi cư trú: P, Nhà trọ H1, ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 15-01-2025, Nguyễn Ngọc T đi bộ bán chim. Khi đi đến chòi chanh của ông Út R tại ấp C, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An, cách nhà T khoảng 01 km, T nhìn thấy có 02 xe mô tô và một xe đạp điện của người dân đang dựng cặp bờ kênh để đi hái chanh. Tuyến nảy sinh ý định trộm cắp xe bán lấy tiền tiêu xài.

Tuyến quan sát không có người trông coi nên đi đến xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu trắng, biển số 62B1-167.98 của bà Võ Thị Ngọc Y; thấy xe không khóa yên, T nâng yên xe lên, thấy có chìa khóa xe, T lấy chìa khoá gắn vào ổ khóa xe, đẩy xe đi một đoạn đến gần đường lộ cặp kênh T mới khởi động máy xe chạy đến phòng trọ của Nguyễn Thị Thu T3, tại phòng số 25, nhà trọ H1 tại ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An và gửi xe tại đây, sau đó T tìm nơi tiêu thụ, nhưng chưa tiêu thụ được.

Đến ngày 21-01-2025, T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ bắt giữ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 01/BB-TCKH ngày 21-01-2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Đ xác định xe mô tô biển số 62B1-167.98 giá trị 3.500.000 đồng.

Cáo trạng số 18/CT-VKSĐH ngày 12-3-2025 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc Tuyến về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố; Bị cáo ăn năn hối cải, cam kết không tiếp tục vi phạm pháp luật, xin được giảm nhẹ hình phạt;

- Lời khai bị hại ông [Phạm Vũ L1](#) trình bày: Xe mô tô biển số 62B1-167.98 do ông đứng tên. Ngày 15-01-2025 ông giao xe cho vợ là bà [Võ Thị Ngọc Y](#) sử dụng đi làm. Khoảng 11 giờ cùng ngày bà [Y](#) báo là mất xe. Sau đó ông và bà [Y](#) trình báo công an. Ông đã nhận lại xe xong, ông không yêu cầu bị cáo bồi thường gì trong vụ án này.

- Lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà [Võ Thị Ngọc Y](#) trình bày: Xe mô tô biển số 62B1-167.98 của chồng bà là ông [Phạm Vũ L1](#) đứng tên. Khoảng 07 giờ ngày 15-01-2025, bà để xe gần chòi chanh trong ruộng ông [Út R](#), xe hư khóa cốp xe nên bà bỏ chìa khóa trong cốp xe. Khoảng 11 giờ bà nghỉ trưa ăn cơm thì phát hiện xe bị mất. Bà và ông [L1](#) đã nhận lại xe nên không yêu cầu gì.

- Lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà [Nguyễn Thị Thu T3](#) trình bày: Bị cáo [Nguyễn Ngọc T](#) là bạn của bà. Khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 15-01-2025, [T](#) đến gửi xe mô tô biển số 62B1-167.98 tại phòng trọ của bà, nói là xe của [T](#), nhờ bà giữ dùm. Bà không biết sử dụng xe mô tô nên không sử dụng xe này lần nào. Tuyền không có nói và bà cũng không biết xe này do [T](#) trộm mà có.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố bị cáo [Nguyễn Ngọc T](#) về tội “Trộm cắp tài sản”; Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 50 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo [Nguyễn Ngọc T](#) từ 02 năm tù đến 03 năm tù.

+ Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo [T](#);

+ Về xử lý vật chứng: 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius màu trắng, biển số 62B1-167.98, qua điều tra xác định là tài sản chung của vợ chồng ông [Phạm Vũ L1](#) và bà [Võ Thị Ngọc Y](#) do ông [L1](#) đứng tên sở hữu, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu xong, nên không đề cập;

+ Về trách nhiệm dân sự: Sau khi vụ việc xảy ra bị hại ông [Phạm Vũ L1](#) và bà [Võ Thị Ngọc Y](#) đã nhận lại xe, ông [L1](#), bà [Y](#) không yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can của Cơ quan cảnh sát điều tra, Quyết định phê chuẩn khởi tố bị can và Cáo trạng truy tố bị cáo của Viện kiểm sát đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Khoảng 09 giờ ngày 15-01-2025, tại [ấp C, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An](#), bị cáo [Nguyễn Ngọc T](#) đã lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của bà [Võ Thị Ngọc Y](#) (vợ ông [Phạm Vũ L1](#)), lén lút lấy trộm của ông [L1](#), bà [Y](#) xe mô tô hiệu Yamaha,

loại Sirius, màu trắng, biển số 62B1-167.98; Giá trị xe được xác định là 3.500.000 đồng.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo [T](#) khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo [T](#) phù hợp khách quan với Biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp lập lúc 10 giờ ngày 21-01-2025, Biên bản bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp lập lúc 21 giờ ngày 21-01-2025, lời khai bị hại, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

[4] Bị cáo [T](#) đủ lý trí và năng lực để nhận thức được việc xâm phạm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Bị cáo [T](#) có nhiều tiền án về tội trộm cắp tài sản, thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích, nay tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, hành vi của bị cáo [T](#) thuộc tình tiết định khung tái phạm nguy hiểm.

[5] Đã đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo [T](#) phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Cáo trạng số 18/CT-VKSĐH ngày 12-3-2025 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An đã truy tố bị cáo [T](#) với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[7] Hành vi của bị cáo [T](#) là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây nghi ngờ và bất bình trong quần chúng nhân dân; Hành vi của bị cáo cần được xử lý nghiêm, bị cáo có nhân thân xấu, thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[8] Xét bị cáo [T](#) trong quá điều tra, truy tố và xét xử thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản được thu hồi kịp thời trả lại cho bị hại, là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo [T](#) là có căn cứ pháp luật.

[10] Bị cáo [T](#) không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[11] Đối với bà [Nguyễn Thị Thu T3](#) cho bị cáo [T](#) gửi xe mô tô tại phòng trọ, bà [T3](#) không biết xe này do bị cáo [T](#) phạm tội mà có, nên cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[12] Về xử lý vật chứng, căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các Điều 46, 47 và 48 của Bộ luật Hình sự, xét thấy: Xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu trắng, biển số 62B1-167.98, thuộc sở hữu của ông [Phạm Vũ L1](#), Cơ quan Cảnh

sát điều tra đã trả lại cho ông [L1](#) xong theo Quyết định xử lý vật chứng số 42/QĐ-ĐTTH ngày 24-01-2025 và Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 25-01-2025 là phù hợp, nên không tiếp tục đề cập;

[13] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là ông [Phạm Vũ L1](#) đã nhận lại tài sản là xe mô tô biển số 62B1-167.98 xong, trong lời khai không có yêu cầu gì nên không đề cập.

[14] Về án phí, căn cứ các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xét thấy: Bị cáo [T](#) phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố: Bị cáo [Nguyễn Ngọc T](#) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự, các Điều 299 và 326 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, xử phạt bị cáo [Nguyễn Ngọc T](#) 03 (ba) năm tù; Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo [T](#) bị tạm giữ, tạm giam (ngày 21-01-2025).

- Áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tiếp tục tạm giam bị cáo [Nguyễn Ngọc T](#) 45 (bốn mươi lăm) ngày sau khi tuyên án (ngày 31-3-2025), để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

- Về án phí: Áp dụng các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo [Nguyễn Ngọc T](#) phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án (ngày 31-3-2025). Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Phân trại tạm giam khu vực huyện Đ, Long An;
- Công an xã B;
- UBND xã B;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Liên quan;
- Hồ sơ THA.HS (07);
- Lưu: Hồ sơ, án văn;

Nguyễn Hùng Vương